

Bản án số: 50/2020/HCPT

Ngày: 10/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Mai Anh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10/3/2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hành chính thụ lý số 326/2019/TLPT-HC ngày 04/10/2019, về: “Kiện hủy Quyết định thu hồi đất”. Do có kháng cáo của Ông Nguyễn Xuân K, đối với Bản án Hành chính sơ thẩm số 34/2019/HC-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1426/2020/QĐXXPT-HC ngày 27/02/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hước, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Bảo Bình – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) huyện G, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc T; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương.

2.2. Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C; Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương, theo văn bản ủy quyền số 02/GUQ-CT ngày 04/4/2019. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện Ông Nguyễn Xuân K trình bày: Liệt sỹ Lê Huy Thân là anh ruột của mẹ Ông K. Gia đình chỉ có hai anh em, Liệt sỹ không có vợ, nên mẹ Ông K hưởng chế độ thờ cúng Liệt sỹ. Năm 2014, mẹ Ông K chết, Ông K được các anh, chị, em trong gia đình ủy quyền thờ cúng Liệt sỹ. Năm 1993, Ông K được Nhà nước giao ruộng canh tác theo Chủ trương của Ban Thường vụ tỉnh

Hải Hưng (cũ) tại Nghị quyết số 03/NQ-TU ngày 28/4/1992 (hay còn gọi là đất 03). Do gia đình có thân nhân là Liệt sỹ, ngoài diện tích ruộng được giao theo tiêu chuẩn, còn được giao thêm 60m². Khi giao 60m² đất này, không đo đạc riêng mà giao chung trong 120m² với đất 03, tại Thửa số 34/12, Tờ bản đồ số 1A, khu Ma Đông, xã Cẩm Điền. Với mục đích để cấy hoặc làm dịch vụ lấy kinh phí hương khói cho Liệt sỹ. Thời hạn sử dụng đất là 20 năm, từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2013 là hết. Theo chính sách đất thờ cúng Liệt sỹ là đất loại I, nhưng do không còn diện tích, địa phương cấp cho Ông K đất loại III, ruộng trũng. Diện tích đất này không phải nộp thuế. Ngoài chế độ ưu tiên 60m² đất và quà thăm hỏi lễ tết, Ông K không được hưởng thêm chế độ thờ cúng Liệt sỹ nào khác. Ngày 31/12/1998, Ông K được UBND huyện G cấp GCNQSDĐ, đối với 1024m², đất cây hàng năm, trong đó bao gồm cả 60m² đất “thờ cúng Liệt sỹ”. Ngày 31/10/2008, Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương có quyết định thu hồi 324m² đất của hộ Ông K, giao cho Công ty Cổ phần Phúc Hưng thuê để xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền. Diện tích 324m² bị thu hồi bao gồm cả 60m² đất “thờ cúng Liệt sỹ” trong 120m², Thửa số 34/12, Tờ bản đồ số 1A, khu Ma Đông. Diện tích 60m² đất “thờ cúng Liệt sỹ” được đền bù bằng với giá đất canh tác là 23.400.000đ/sào, 1 sào là 360m² và được hỗ trợ thêm đất 5%. Ông K không đồng ý với giá đền bù nên không nhận tiền đền bù, không nhận đất 5% và khiếu nại. Tại Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G không chấp nhận khiếu nại. Ông K cho rằng, 60m² là đất “thờ cúng Liệt sỹ”, khi thu hồi chỉ bồi thường theo giá đất 03 là không đúng. Yêu cầu: Hủy Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G; Buộc UBND huyện G trả lại 60m² đất “thờ cúng Liệt sỹ”, nếu không trả lại đất thì phải bồi thường bằng tiền theo giá 7.000.000đ/m² hoặc giá thị trường đối với loại đất ở.

2. *Người bị kiện UBND (Chủ tịch) huyện G trình bày:* Thực hiện Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 17/9/1992 của UBND tỉnh Hải Hưng; Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 25/9/1993 của UBND tỉnh Hải Hưng; Hướng dẫn số 31 ngày 25/02/1993 của Sở Nông nghiệp, năm 1993 UBND xã Cẩm Điền tổ chức chia ruộng đất ổn định cho các hộ gia đình trên địa bàn xã, trong đó có đất hương khói cho các hộ gia đình là thân nhân Liệt sỹ. Hộ Ông K được giao đất hương khói với diện tích 60m², trong 120m² đất tiêu chuẩn 03, tại Thửa 34/12, Tờ bản đồ số 1A, xã Cẩm Điền và đã được cấp GCNQSDĐ, 60m² đất hương khói là loại đất nông nghiệp. Năm 2008, Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu Công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền. Việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho cá nhân, hộ gia đình có đất thu hồi được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2003, người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thu hồi. 60m² đất hương khói của Ông K được bồi thường, hỗ trợ theo đúng nguồn gốc và quy định của pháp luật, được hưởng chính sách hỗ trợ đất dịch vụ 5%. Ngày 21/01/2010, UBND tỉnh Hải Dương đã có Quyết định số 212/QĐ-UBND thu hồi 20,2 ha đất của Khu Công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền, giao UBND xã Cẩm Điền quản lý và giao cho các hộ dân chưa nhận tiền, nhưng đến nay hộ Ông K

cũng không đăng ký nhận ruộng sản xuất. Do đó, Chủ tịch UBND huyện G không chấp nhận khiếu nại của Ông K. Đến nay Ông K khởi kiện, UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông K.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 34/2019/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 17/9/1992 của UBND tỉnh Hải Hưng; Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 25/9/1993 của UBND tỉnh Hải Hưng; Hướng dẫn số 31 ngày 25/02/1993 của Sở Nông nghiệp tỉnh Hải Hưng; Luật Đất đai 2003; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 5, Điều 9, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Điều 2 Luật Người cao tuổi 2009; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Xuân K về việc hủy Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Xuân K về việc buộc UBND huyện G trả lại 60m² đất thờ cúng Liệt sỹ đã thu hồi hoặc bồi thường cho Ông K 60m² đất đã thu hồi theo giá 7.000.000đ/m² hoặc giá thị trường đối với loại đất ở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, Ông Nguyễn Xuân K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho Ông K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại đảm bảo quyền lợi của Ông K, theo hướng bồi thường đất đã thu hồi theo giá thị trường.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị giữ nguyên quan điểm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Xuân K, giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 34/2019/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong việc thụ lý; xác định thẩm quyền; xác định tư cách người tham gia tố tụng (*diện tích đất thờ cúng Liệt sỹ 60m² giao trách nhiệm riêng cho Ông K*); xác minh, thu thập và giao nộp chứng cứ; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại... Đơn kháng cáo của Ông K gửi trong thời hạn luật định, được cấp phúc thẩm chấp nhận; Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện theo khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. *Về nội dung:*

2.1. *Về tính hợp pháp của Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G:* Thực hiện Quyết định số 2886/QĐ-UBND ngày 05/8/2008 của UBND tỉnh Hải Dương, về việc thu hồi và cho Công ty Cổ phần Phúc Hưng thuê đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, huyện G. Ngày 31/10/2008, tại Quyết định số 1144⁷⁶/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện G đã thu hồi 324m² đất nông nghiệp của hộ Ông Nguyễn Xuân K đang quản lý và sử dụng tại Thửa: 51, 297 (34/12, tờ bản đồ số 1A khu Ma Đông, xã Cẩm Điền) - Tờ bản đồ số: 8 Tỷ lệ: 1/1000 – Thời hạn thu hồi đất: Lâu dài để cho Công ty cổ phần Phúc Hưng thuê đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền. Các đơn vị chức năng của huyện, chính quyền địa phương tiến hành xác định nguồn gốc, loại đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ Ông K. Tuy nhiên, Ông K không đồng ý phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 60m² đất nông nghiệp hương khói thờ cúng Liệt sỹ và đã làm đơn khiếu nại không nhất trí. Chủ tịch UBND huyện G ra Thông báo số 986/TB-UBND ngày 28/8/2018, trả lời Ông K. Ông K làm đơn khiếu nại. Tại Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G, giữ nguyên Thông báo số 986/TB-UBND ngày 28/8/2018, không công nhận nội dung khiếu nại của Ông Nguyễn Xuân K. Xét thấy, Chủ tịch UBND huyện G ban hành quyết định tuân thủ về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đất đai 2003, Luật Đất đai 2013 và Luật khiếu nại, tố cáo.

2.2. *Về nguồn gốc, căn cứ thu hồi, bồi thường diện tích đất 60m²:*

2.2.1. *Về nguồn gốc diện tích đất:* Liệt sỹ Lê Huy Thân là anh ruột của mẹ Ông K. Năm 1993, hộ Ông K được Nhà nước giao ruộng canh tác, theo chủ trương của Ban Thường vụ tỉnh Hải Hưng (cũ) tại Nghị quyết số 03/NQ-TU ngày 28/4/1992 (hay còn gọi là đất 03). Do gia đình có thân nhân là Liệt sỹ Lê Huy Thân, nên ngoài diện tích ruộng được giao theo tiêu chuẩn, còn được giao thêm 60m². Khi giao 60m² đất này, không đo đạc riêng mà giao chung trong 120m² đất 03, Thửa số 34/12, Tờ bản đồ số 1A khu Ma Đông, xã Cẩm Điền, với mục đích để cấy hoặc làm dịch vụ lấy kinh phí hương khói cho Liệt sỹ. Ngày

31/12/1998, Ông K được UBND huyện G, cấp GCNQSDĐ đối với 1024m² đất cây hàng năm, trong đó bao gồm cả 60m² đất “thờ cúng liệt sỹ”.

2.2.2. *Về căn cứ thu hồi, bồi thường:* Trên cơ sở Quyết định số 2886/QĐ-UBND ngày 05/8/2008 của UBND tỉnh Hải Dương, thu hồi và cho Công ty cổ phần Phúc Hưng thuê đất để xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền, huyện G. Tại Quyết định số 1144⁷⁶QĐ-UBND ngày 31/10/2008, Chủ tịch UBND huyện G thu hồi 324m² đất nông nghiệp của hộ Ông Nguyễn Xuân K, có 60m² đất “thờ cúng liệt sỹ” trong 120m² tại thửa số 34/12, tờ bản đồ số 1A khu Ma Đông. Diện tích 60m² đất “thờ cúng liệt sỹ” được đền bù bằng với giá đất canh tác là 23.400.000đ/sào (1 sào là 360m²) và được hỗ trợ thêm đất 5%. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện G thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế trong trường hợp đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các dự án đầu tư lớn theo đúng quy định Luật Đất đai 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Đồng thời khi quyết định thu hồi đất, chính quyền địa phương đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ đầy đủ, đúng quy định đối với Ông K (mặc dù Ông K không nhận).

2.3. *Về yêu cầu khởi kiện của Ông K:*

2.3.1. *Về căn cứ xác định loại đất:* Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 17/9/1992 của UBND tỉnh Hải Hưng, những đối tượng phát sinh sau Khoán 10 được xem xét, giải quyết gồm các Liệt sỹ mới phát sinh được giải quyết đất hương khói, với mức độ như đối với đất làm kinh tế gia đình. Tại Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 25/9/1993 UBND tỉnh Hải Hưng ban hành về việc giao đất ổn định, lâu dài cho người dân; Sở Nông nghiệp tỉnh Hải Hưng có Hướng dẫn số 31, cụ thể hóa nội dung 2 văn bản trên, hướng dẫn: “Quỹ đất giao cho nông dân bao gồm: Toàn bộ đất canh tác ngoài đồng HTX đang quản lý giao khoán cho nông dân theo các loại đất vòng 1, vòng 2, đất đấu thầu, cho mượn và toàn bộ đất kinh tế gia đình HTX giao cho xã viên sử dụng (gồm cả đất canh tác ngoài đồng và đất thuộc khu dân cư) sau khi giành một bộ phận đất hương khói cho các liệt sỹ ở địa phương tính đến thời điểm tháng 01/1993. Đất này giao cho thân nhân chịu trách nhiệm thờ cúng liệt sỹ với mức cấp đất kinh tế gia đình cho liệt sỹ năm 1988”. Năm 1993, hộ Ông K được giao đất canh tác theo chủ trương của Nhà nước, do có thân nhân là Liệt sỹ nên ngoài diện tích ruộng được giao theo tiêu chuẩn, Ông K được ưu tiên giao thêm 60m² cùng với đất canh tác khác. Thực tế đất “thờ cúng liệt sỹ” không được đo đạc riêng, giao chung cùng diện tích đất 03 việc này Ông K cũng thừa nhận. Ông K xác định theo chính sách, ngoài việc đất “thờ cúng liệt sỹ” được ưu tiên đất loại I và được miễn thuế thì không có gì khác so với đất 03 khác, gia đình ông cũng sử dụng đất này để cấy lúa. Theo cung cấp của UBND xã Cẩm Điền, trước năm 1995 các hộ dân có được nhận chế độ thờ cúng Liệt sỹ hay không thì UBND xã không rõ, từ năm 1995 đến nay, các hộ dân được hưởng chế độ thờ cúng Liệt sỹ đầy đủ, cụ thể đối với hộ Ông K được cấp thêm 500.000đ/năm tiền thờ cúng Liệt sỹ. Như vậy, việc giao 60m² đất ngoài tiêu chuẩn chỉ là chế độ ưu tiên cấp thêm đối với thân nhân Liệt sỹ, đất được giao là đất trồng lúa để sản xuất nông nghiệp, bản

chất của đất “thờ cúng Liệt sỹ” Ông K được giao theo quyết định 721 là đất nông nghiệp hay còn gọi là đất 03.

2.3.2. *Về căn cứ bồi thường:* Ngày 03/01/2009, UBND tỉnh Hải Dương cùng các Sở, ban ngành có liên quan cùng tổ chức buổi làm việc với một số công dân thôn Hoàng Xá, xã Cẩm Điền, kết luận và chỉ đạo: Việc thu hồi đất và bàn giao đất cho Công ty cổ phần Sao Thái Dương từ năm 2005 đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do vậy, không có cơ sở pháp lý để hỗ trợ thêm cho các hộ dân đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất. Đồng ý dành một phần đất thuộc đất quy hoạch nhà ở và dịch vụ phục vụ cho Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền để giao cho các hộ dân sử dụng lâu dài làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp để giải quyết việc làm, ổn định đời sống cho nhân dân. Đối tượng được nhận là những hộ có đất canh tác thuộc phạm vi Khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, bao gồm cả các hộ đã bàn giao đất cho Công ty cổ phần Sao Thái Dương, diện tích đất dịch vụ được giao bằng 5% diện tích đất canh tác đã bàn giao. Diện tích 60m² đất “thờ cúng Liệt sỹ” của Ông K bị thu hồi là đất nông nghiệp. Khi thu hồi, UBND huyện G đã lập phương án bồi thường theo giá đất nông nghiệp là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, các hộ dân bị thu hồi đất còn được hưởng thêm đất dịch vụ 5% là phương án giúp ổn định cuộc sống của người dân. Theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003, người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi. Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, quy định giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích sử dụng tại thời điểm có Quyết định thu hồi đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định của Chính phủ. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện G thực hiện việc thu hồi, bồi thường đất nông nghiệp đối với diện tích 60m² của Ông K là đúng quy định của pháp luật.

2.3.3. *Về yêu cầu UBND huyện trả lại 60m² đất:* Diện tích 60m² “đất hương khói Liệt sỹ” là đất nông nghiệp. Khi thu hồi, UBND huyện G đã bồi thường, hỗ trợ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật đối với Ông K. Hiện tại, gia đình Ông K được hưởng chế độ thờ cúng Liệt sỹ 500.000đồng/năm. Do vậy, không có căn cứ buộc UBND huyện trả lại 60m² đất hoặc bồi thường theo giá đất ở cho gia đình Ông K.

2.3.4. *Xét yêu cầu khởi kiện:* Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông K về việc: Hủy quyết định giải quyết khiếu nại, buộc UBND huyện G trả lại 60m² đất “thờ cúng Liệt sỹ” hoặc bồi thường theo giá 7.000.000đ/m² là có căn cứ.

[3]. *Xét kháng cáo của Ông K và quan điểm của Luật sư:*

Từ những phân tích tại Mục 2, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông K, cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với quan điểm của Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[4]. *Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, được chấp nhận.

[5]. *Về án phí*: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên Ông K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. *Các quyết định khác của bản án sơ thẩm*: Do không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Xuân K.
2. Giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 34/2019/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân K phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí do Ông Nguyễn Xuân K đã nộp tại Biên lai thu số 0008277 ngày 30/7/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hải Dương. (Ông K đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Đình Lực